

Bản án số: 115/2023/DS-PT
Ngày: 29/3/2023
“V/v tranh chấp thực hiện nghĩa
vụ về tài sản do người chết để lại”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chế Linh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quyền

Ông Trần Tuấn Quốc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lâm Thành Them - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 432/2022/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 136/2022/DSST ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 50/2023/QĐ-PT ngày 18 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn G, sinh năm 1977.

Địa chỉ: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Tiến V của Văn phòng luật sư Tiến Vinh, thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1966.

2.2. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

2.3. Bà Nguyễn Thị Kim Đ, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp M, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2.4. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1974.

Địa chỉ: số 176 ấp L, xã P, huyện C, thành phố Cần Thơ.

2.5. Chị Nguyễn Thị Thủy T1, sinh năm 1995.

Địa chỉ: khu vực T, phường H, quận T, thành phố Cần Thơ.

2.6. Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1989.

Địa chỉ: khu vực Q, phường H, quận T, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: khu vực T, phường H, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn (gồm ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim L): Ông Nguyễn Tùng L; cư trú tại: ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 02/12/2022).

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim Đ và bà Nguyễn Thị Kim L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:

Vào tháng 04/2008 ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1929 (đã chết) có cổ cho ông 03 công đất tầm 03m, đất cổ tại thửa số 587, diện tích 4.205m², loại đất 2L do ông Nguyễn Văn Th đứng tên giấy chứng nhận ruộng đất ngày 23/6/1990 với giá cổ là 60 chỉ vàng 24K có làm tờ giao kèo ngày 15/4/2008. Nhưng thực tế chỉ giao nhận 40 chỉ vàng và ông đã nhận đất canh tác. Sau khi ông Th chết các con ông Th gồm: Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thị Kim Đ, Nguyễn Thị Kim L và Nguyễn Thị Kim T đã lấy lại thửa đất cổ, lý do đã trả cho ông được 23 chỉ vàng 24K (bà Đ trả 15 chỉ, bà T trả 08 chỉ) cho đến nay còn nợ lại vàng cổ đất là 17 chỉ vàng 24K. Hiện nay ông Đ là người đang trực tiếp canh tác thửa đất 587. Bà Nguyễn Thị Kim T hiện cũng đã chết có 02 người con là Nguyễn Thị Thủy T1 và Nguyễn Văn T2.

Nay yêu cầu ông Đ, bà H, bà Đ, bà L, chị T1 và anh T2 có trách nhiệm trả cho ông 17 chỉ vàng 24K.

-Bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim H trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 19/5/2022:

Trước đây, cha bà (Nguyễn Văn Th) có cổ 03 công đất không biết thuộc thửa nào cho bà Nguyễn Thị S là mẹ ông G, với giá cổ đất 15 chỉ vàng 24k, thời gian cổ đất thì không nhớ.

Bà Nguyễn Thị S là người trực tiếp canh tác đất cổ, sau khi bà S chết ông G là người trực tiếp canh tác. Thời gian nào không nhớ bà Đ có trả được cho ông G 15 chỉ vàng và được ông G giao lại đất cổ cho bà Đ. Tờ giao kèo cổ đất nông nghiệp ngày 15/4/2008 bà không biết, còn bà T và ông Th có ký tên hay không cũng không biết. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông G bà không đồng ý.

-Bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim L trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 28/6/2022:

Trước đây, cha bà (Nguyễn Văn Th) có cổ 03 công đất không biết thuộc thửa nào cho bà Nguyễn Thị S là mẹ ông G, với giá cổ đất 15 chỉ vàng 24k, thời gian cổ đất thì không nhớ.

Bà Nguyễn Thị S là người trực tiếp canh tác đất cổ, sau khi bà S chết ông G là người trực tiếp canh tác. Thời gian nào không nhớ, sau khi ông Th mất bà Đ có trả được cho ông G 15 chỉ vàng và được ông G giao lại đất cổ cho bà Đ. Tờ giao kèo cổ đất nông nghiệp ngày 15/4/2008 bà không biết, cũng không biết có đúng là chữ ký của bà T và ông Th hay không.

Ông Nguyễn Văn Th có vợ là Nguyễn Thị Phấn (đã chết) có tất cả 5 người con tên Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Kim T (đã chết), Nguyễn Thị Kim Đ, Nguyễn Thị Kim H và Nguyễn Thị Kim L là bà.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông G bà không đồng ý.

-Bị đơn là chị Nguyễn Thị Thủy T1 trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 25/5/2022 và ngày 26/7/2022:

Chị là con ruột của bà Nguyễn Thị Kim T (chết năm 2021) có chồng là Nguyễn Văn Bông đã ly hôn, có 02 con chung tên Nguyễn Văn T2 và chị là Nguyễn Thị Thủy T1. Ông Nguyễn Văn Th (ông ngoại) chết năm 2019 có vợ tên Nguyễn Thị Phấn chết năm 2004 có chung 05 người con tên Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thị Kim Đ và Nguyễn Thị Kim L. Ông bà Không có con nuôi con riêng nào.

Việc cổ đất chị không biết nhưng sau này có nghe nói lại ông ngoại có cổ đất cho ông G, còn giá cổ và diện tích đất cổ thì không biết. Có còn nợ tiền cổ đất hay không cũng không biết. Thời gian nào không nhớ có nghe nói bà Đ có đưa cho ông G 15 chỉ vàng, mẹ chị có đưa 08 chỉ vàng. Đất cổ hiện do ông Đ canh tác. Tờ giao kèo cổ đất nông nghiệp ngày 15/4/2008 chị không xác định được có phải là chữ ký của bà T hay không.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông G chị không đồng ý. Đề nghị được vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tại các cấp Tòa án và đối chất (nếu có).

-Bị đơn là anh Nguyễn Văn T2 trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 26/7/2022:

Anh là con của bà T đã chết năm 2021. Việc cổ đất anh không biết. Tờ giao kèo cổ đất nông nghiệp ngày 15/4/2008 anh không xác định được có phải là chữ ký của ông Th, bà T hay không. Trước đây, ông G là người canh tác đất cổ, sau đó ông ngoại chết thì bà Đ có yêu cầu chuộc lại đất nên đã đưa cho ông G 15 chỉ vàng, anh đưa cho ông G 8 chỉ vàng. Lý do, khi mẹ anh bệnh ông ngoại có cho mẹ anh 08 chỉ vàng để trị bệnh, nên khi làm giấy tờ để bà T là người giao vàng. Do đó, ông G đã giao đất cổ cho bà Đ, còn việc cổ đất như thế nào, giá cổ bao nhiêu anh không rõ, chỉ biết ông ngoại có cổ đất cho ông G nên ông G có thời gian canh tác đất.

Qua yêu cầu của ông G anh không đồng ý, người nào hiện đang canh tác đất thì trả vàng cho ông G. Đề nghị được vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tại các cấp Tòa án và đối chất (nếu có).

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Đ và ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Đ và ông Đ theo quy định.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 136/2022/DS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2022, Tòa án nhân dân quận T đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn G.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim Đ, bà Nguyễn Thị Kim L, chị Nguyễn Thị Thủy T1 và anh Nguyễn Văn T2 có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn G số vàng cổ đất là 17 (mười bảy) chỉ vàng 24K loại thị trường trong phạm vi di sản do ông Nguyễn Văn Th để lại.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim Đ, bà Nguyễn Thị Kim L, chị Nguyễn Thị Thủy T1 và anh Nguyễn Văn T2 phải nộp 4.335.000đ (bốn triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Cần Thơ (giá vàng tính án phí là 5.100.000đ/01 chỉ vàng).

Nguyên đơn ông Lê Văn G được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 1.105.000đ (một triệu, một trăm linh năm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004282 ngày 14/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Cần Thơ.

Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Tại các đơn kháng cáo đề ngày 21/10/2022, các bị đơn gồm: ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim Đ và bà Nguyễn Thị Kim L cho rằng, việc cầm cố đất là diễn ra vào năm 2003 và đã xử lý xong vào ngày 24/10/2019. Tại thời điểm đó, ông G giao lại đất và không tranh chấp. Việc làm chứng của ông Nguyễn Thành U cũng không xác định được giá trị cầm cố đất là 40 chỉ vàng. Do đó, Tòa án sơ thẩm đã xét xử không khách quan, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên không thương lượng được việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn cho rằng, việc cầm cố đất đã được thừa nhận, có lời khai của người làm chứng nên đó là sự kiện không phải chứng minh, bản án sơ thẩm đã giải quyết là có căn cứ, đúng pháp luật, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích các

tình tiết vụ án, các quy định pháp luật liên quan, đại diện Viện kiểm sát cho rằng bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã thẩm tra cho thấy các bên tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại theo quy định tại Điều 615 Bộ luật dân sự. Tòa án nhân dân quận T đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn yêu cầu hoãn phiên tòa để trung cầu giám định chữ ký của ông Th trong tờ cổ đất. Thấy rằng, sự kiện cổ đất đã được nhiều đương sự thừa nhận, có người làm chứng. Phía gia đình bị đơn cũng đã thừa nhận thực hiện trả lại một phần vàng (23 chỉ) cho nguyên đơn. Bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu có căn cứ xác định chữ ký của ông Th. Do vậy, yêu cầu giám định chữ ký không được chấp nhận.

[3] Về sự kiện cổ đất, các đương sự đã có lời khai thừa nhận có việc cổ đất. Theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là sự kiện không phải chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập lại lời khai của bà Nguyễn Thị Kim T tại hồ sơ thụ lý số 336/2020/TLST-DS ngày 14/12/2020, tại tờ tường trình ngày 13/01/2021 (BL 31) bà T thừa nhận khi ông Th còn sống có cổ đất cho ông G với số tiền giao kèo là 60 chỉ vàng nhận trước 40 chỉ vàng còn 20 chỉ vàng ông G còn thiếu lại. Sau khi ông Th chết bà và bà Đ đã trả được 23 chỉ vàng, còn thiếu lại ông G 17 chỉ vàng. Lời trình bày này của bà T hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn. Do vậy, các sự kiện nguyên đơn khai là đúng sự thật.

[4] Ông Th chết ngày 17/7/2019 nên theo quy định tại Điều 615, 623 Bộ luật dân sự 2015 người thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại. Thời hiệu để yêu cầu thanh toán di sản thừa kế vẫn còn theo quy định tại Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, các bị đơn có trách nhiệm trả cho ông G số vàng cổ đất còn thiếu là 17 chỉ vàng 24K loại thị trường trong phạm vi di sản ông Th để lại. Phần đất cổ phía bị đơn đã nhận lại đất do ông Nguyễn Văn Đ hiện là người trực tiếp canh tác (BL 47) nên không buộc nguyên đơn giao trả tài sản cầm cố.

[5] Từ những nhận định trên cho thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng pháp luật nên kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm, kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn G.

Buộc các bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim Đ, bà Nguyễn Thị Kim L, chị Nguyễn Thị Thủy T1 và anh Nguyễn Văn T2 có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn G số vàng cổ đất là 17 (mười bảy) chỉ vàng 24K trong phạm vi di sản do ông Nguyễn Văn Th để lại.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim Đ, bà Nguyễn Thị Kim L, chị Nguyễn Thị Thủy T1 và anh Nguyễn Văn T2 phải nộp 4.335.000đ (bốn triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn là ông Lê Văn G được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 1.105.000đ (một triệu, một trăm lẻ năm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004282 ngày 14/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Cần Thơ.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án số 0004688 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, coi như bà L đã nộp xong.

- Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án số 0004687 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, coi như bà H đã nộp xong.

- Bà Nguyễn Thị Kim Đ phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án số 0004686 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, coi như bà Đ đã nộp xong.

- Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án số 0004685 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, coi như ông Đ đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chế Linh